

Bản án số: 84/2019/HC-PT

Ngày 05 – 3 – 2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ
giải phóng mặt bằng, tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Phạm Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 548/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1447/2017/HC-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị L, chết ngày 13/3/2018;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

1. Bà NKTQNVTTNKK1, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

2. Bà NKTQNVTTNKK2, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 8/1 Đường 37, Khu phố 8, phường LĐ, quận TĐ; (*vắng mặt*).

3. Ông NKTQNVTTNKK3, sinh năm 1958; cư trú tại: 24/2A LVP, Phường 8, thành phố VT, tỉnh BR-VT; (*vắng mặt*).

4. Bà NKTQNVTTNKK4, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

5. Bà NKTQNVTTNKK5, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

6. Bà NKTQNVTTNKK6, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 10 LVN, Khu phố 4, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

7. Bà NKTQNVTTNKK7, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

8. Bà NKTQNVTTNKK8, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

9. Bà NKTQNVTTNKK9, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

10. Bà NKTQNVTTNKK10, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

11. Bà NKTQNVTTNKK11, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 78 LVT, Khu phố 6, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*xin vắng mặt*).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ: 168 TVB, phường TML, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1- Ông Vũ Hoài Ph - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2; (*xin vắng mặt*).

2- Ông Nguyễn Văn U - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2; (*có mặt*).

- *Người kháng cáo:* Bà NKTQNVTTNKK9 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, có người đại diện theo ủy quyền là bà NKTQNVTTNKK9 trình bày:

Từ trước năm 1975, bà Bùi Thị L quản lý và canh tác 13.000m² đất nông nghiệp tại xã AP, huyện TĐ nay là phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1998, bà L có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần diện tích trên nhưng chỉ được cấp 11.601m², phần diện tích còn lại chưa được cấp.

Toàn bộ diện tích mà gia đình bà L sử dụng nằm trong khu quy hoạch giải tỏa thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân golf – thể dục thể thao – nhà ở tại phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với phần diện tích 11.601m² đã được lập hồ sơ bồi thường, gia đình bà L đã nhận tiền bồi thường năm 2009 và đã giao toàn bộ khu đất cho Nhà nước, phần diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không được xem xét bồi thường nên gia đình bà L có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận 2 giải quyết.

Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND hỗ trợ bổ sung đối với bà Bùi Thị L thừa đất thuộc một phần rạch, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần các thửa 14, 22, 23, 31 và rạch, tờ bản đồ số 58 (Tài liệu năm 2003), phường AP, Quận 2 với tổng giá trị hỗ trợ bổ sung là: 189.684.000 đồng.

Không đồng ý, bà L khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2. Ngày 25/4/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT giải quyết đơn khiếu nại của bà L. Việc Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về hỗ trợ diện tích 1.580,7m² theo loại đất nông nghiệp chiếm dụng rạch trước ngày 15/10/1993; không bồi thường, hỗ trợ diện tích 335,3m² thuộc rạch theo bản đồ địa chính năm 2003 là đúng quy định. Không công nhận khiếu nại của bà L đề nghị bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 1.916m² theo loại đất nông nghiệp.

Bà không đồng ý vì các lý do sau:

- Theo nội dung văn bản số 8553/VPĐK-KTĐC ngày 07/6/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất 1.916m² mà gia đình quản lý và

sử dụng từ trước năm 1975 là đất nông nghiệp thuộc các thửa 134, 135, 137 và rạch (tài liệu trước năm 1975). Như vậy, phần đất trên là đất nông nghiệp có từ trước năm 1975, không phải là rạch san lấp.

- Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân golf- thể dục thể thao- nhà ở tại phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn làm chủ đầu tư. Đây là dự án đầu tư có mục đích kinh doanh, không nhằm mục đích công cộng. Trong trường hợp này chủ đầu tư phải đền bù cho người có đất bị thu hồi theo phương thức thỏa thuận giữa hai bên. Việc Ủy ban nhân dân Quận 2 thành lập hội đồng bồi thường và áp giá bồi thường là không đúng quy định pháp luật.

- Dự án được chấp thuận đầu tư năm 2000, giao đất năm 2001, phê duyệt phương án bồi thường năm 2003, đến ngày 28/10/2012, Ủy ban nhân dân Quận 2 mới ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND là không phù hợp theo quy định tại Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài chính, Nghị định số 197/2006/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ.

Do đó, bà NKTQNVTTNKK9 là người đại diện theo ủy quyền của bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Người bị kiện có văn bản trình bày:

Nguồn gốc pháp lý và quá trình giải quyết hồ sơ:

Ngày 12/10/1998, Công ty trắc địa bản đồ số 3 lập Bản đồ hiện trạng vị trí số 900/98/DVĐC để bổ túc hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện khu đất của bà L có diện tích khuôn viên 13.028m², trong đó có diện tích 11.601m² thuộc một phần các thửa số 356, 498, 499 và diện tích 1.427m² thuộc rạch theo tài liệu 299/TTg (phần diện tích thuộc rạch hiện nay bà L đề nghị lập hồ sơ bồi thường). Hiện trạng khi đo vẽ thì phần diện tích 1.427m² thể hiện là ao và đất hoang.

Ngày 21/12/1998, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số A479499 cho bà Bùi Thị L diện tích 11.601m²; phần diện tích 1.427m² thuộc rạch không được cấp Giấy chứng nhận.

Ngày 19/9/2008, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 7331/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Bùi Thị L là chủ sử dụng

phần đất diện tích 11.502,6m² đã cấp Giấy chứng nhận, phần diện tích 98,4m² có vị trí chông ranh với hộ bà Phan Thị T không được bồi thường.

Ngày 12/01/2009, Tổ công tác phường AP có Biên bản làm việc với ông Trần Hữu Th (Tập đoàn 10), ông Th xác định phần diện tích biên rạch do bà L sử dụng làm đập để giữ tôm cá từ năm 1977 đến nay.

Theo Bản vẽ số 137-6/12/ĐĐBĐ/Q2 do Công ty cổ phần Công nghệ đo đạc bản đồ HV lập ngày 04/4/2013 thể hiện phần diện tích 1.580,7m² có vị trí thuộc rạch cụt (theo Tài liệu 299/TTg) tiếp giáp với phần đất đã cấp Giấy chứng nhận cho bà L.

Ngày 05/12/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 8124/TNMT-QLBĐ có ý kiến như sau:

“- Theo Tài liệu không ảnh năm 1982 (làm cơ sở để thành lập Bản đồ 299/TTg) tại vị trí khu đất nêu trên ranh rạch thể hiện không rõ nên không thể sử dụng để xác định ranh rạch trên Bản đồ 299/TTg.

- Bản đồ địa chính không phải là tài liệu duy nhất để xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ, cấp Giấy chứng nhận mà còn phải căn cứ vào hồ sơ quản lý nhà đất tại địa phương, chính sách pháp luật đất đai. Trong trường hợp này, đề nghị Ủy ban nhân dân Quận 2 căn cứ nguồn gốc, quá trình, hiện trạng và các quy định pháp luật hiện hành để xem xét giải quyết hồ sơ cho chủ sử dụng theo đúng quy định pháp luật”.

Ngày 17/01/2014, Ủy ban nhân dân phường AP có xác nhận pháp lý số 03/UBND-XN xác định phần đất giải tỏa diện tích 1.916m² (theo Bản vẽ số 137-6/12/ĐĐBĐ/Q2 do Công ty cổ phần Công nghệ đo đạc bản đồ HV lập ngày 04/4/2013). Theo Tài liệu 299/TTg có vị trí thuộc rạch, tờ bản đồ số 4, xã AP, huyện TĐ; theo Bản đồ Địa chính năm 2003 có diện tích 1.580,7m² thuộc một phần các thửa số 14, 22, 23, 31 và diện tích 335,3m² thuộc rạch, tờ bản đồ số 58, phường AP, Quận 2 có nguồn gốc như sau:

- Phần diện tích 1.580,7m² thuộc một phần các thửa số 14, 22, 23, 31 có nguồn gốc do bà Bùi Thị L cải tạo rạch sử dụng vào mục đích nông nghiệp trước ngày 15/10/1993 đến khi thực hiện dự án.

- Phần diện tích 335,3m² thuộc rạch (theo Bản đồ Địa chính năm 2003) có nguồn gốc do bà L cải tạo rạch sử dụng sau năm 2003.

Ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND về hỗ trợ diện tích 1.580,7m² theo loại đất nông nghiệp chiếm dụng rạch trước ngày 15/10/1993 với số tiền 189.684.000 đồng.

Không đồng ý việc hỗ trợ theo loại đất chiếm dụng nên bà L khiếu nại Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2.

Ngày 07/6/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố có Công văn số 8553/VPĐK-KTĐC về đối chiếu vị trí và cung cấp thông tin theo tài liệu lưu trữ thể hiện phần đất diện tích 1.916m² trước năm 1975 thuộc một phần lô đất số 134, 135, 137 và một phần rạch.

Ngày 31/8/2016, Ủy ban nhân dân Quận 2 có Công văn số 4381/UBND-TTr đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định vị trí phần diện tích 1.580,7m² do bà L sử dụng trên nền Tài liệu trước năm 1975, Tài liệu 299/TTg và Bản đồ địa chính năm 2003.

Ngày 03/10/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 10291/STNMT-BĐVT đề nghị Ủy ban nhân dân Quận 2 chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2 tham mưu giải quyết trên cơ sở phối hợp cùng Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân phường AP kiểm tra hiện trạng, căn cứ nguồn gốc pháp lý, quá trình sử dụng và quy hoạch để xem xét giải quyết hồ sơ theo quy định.

Ủy ban nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Theo Công văn số 10291/STNMT-BĐVT ngày 03/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân Quận 2 chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 2 tham mưu giải quyết trên cơ sở phối hợp cùng Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân phường AP kiểm tra hiện trạng, căn cứ nguồn gốc pháp lý, quá trình sử dụng. Về nội dung này, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 8553/VPĐK-KTĐC xác định phần đất diện tích 1.916m² trước năm 1975 thuộc một phần đất có thửa và một phần rạch; theo Tài liệu 299/TTg, toàn bộ diện tích 1.916m² thuộc rạch. Về hiện trạng thì hiện nay không còn, do dự án đã san lấp nên không kiểm tra được nhưng vào năm 2009, Ủy ban nhân dân phường AP đã kiểm tra, xác minh trước khi có xác nhận pháp lý.

Trong phần diện tích 1.916m², trong đó có diện tích 1.580,7m² có nguồn gốc là rạch cụt tự nhiên nhưng bà L đã đắp đập, ngăn nước để sử dụng trước năm 1993 (cải tạo rạch thành ao nuôi tôm, cá). Thời điểm năm 1998, khi lập bản vẽ để bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thể hiện phần đất này có hiện trạng là ao và đất hoang. Hiện

trạng hiện nay không còn vì dự án 137ha đã san lấp. Trong quá trình xác nhận pháp lý, Ủy ban nhân dân phường AP đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà L. Theo đó, ngày 17/01/2014, Ủy ban nhân dân phường AP có Xác nhận pháp lý số 03/UBND-XN xác định phần đất diện tích 1.580,7m² có nguồn gốc do bà L cải tạo rạch sử dụng vào mục đích nông nghiệp trước ngày 15/10/1993 đến khi thực hiện dự án.

Kiểm tra các loại tài liệu, bản đồ qua các thời kỳ không có cơ sở xác định phần diện tích 1.580,7m² là đất có thừa. Đồng thời, Ủy ban nhân dân Quận 2 đã có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm định Tài liệu 299/TTg nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường xác định Tài liệu không ảnh năm 1982 (làm cơ sở lập Bản đồ 299/TTg) tại vị trí khu đất ranh rạch thể hiện không rõ ràng nên không thể sử dụng ranh rạch trên Bản đồ 299/TTg. Riêng bà L cũng không cung cấp được hồ sơ, tài liệu có liên quan chứng minh phần diện tích 1.580,7m² là đất có thừa theo Tài liệu 299/TTg. Do đó, ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND về hỗ trợ diện tích 1.580,7m² theo loại đất nông nghiệp chiếm dụng rạch trước ngày 15/10/1993 với số tiền 189.684.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, ngày 25/4/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT về giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị L có nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà L đề nghị bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 1.916m² theo loại đất nông nghiệp là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, giữ nguyên Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1447/2017/HC-ST ngày 27/10/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116, Điều 125, Điều 146, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 176, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về hủy Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/11/2017, bà NKTQNVTTNKK9, là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L.

Bà Bùi Thị L, chết ngày 13/3/2018, có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là các con của bà L, gồm các ông, bà: NKTQNVTTNKK1, NKTQNVTTNKK2, NKTQNVTTNKK3, NKTQNVTTNKK4, NKTQNVTTNKK5, NKTQNVTTNKK6, NKTQNVTTNKK7, NKTQNVTTNKK8, NKTQNVTTNKK9, NKTQNVTTNKK10, NKTQNVTTNKK11.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong số những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L, chỉ có bà NKTQNVTTNKK9 có mặt trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện trình bày về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị L; phân tích và khẳng định những căn cứ ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 là đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L chỉ có bà NKTQNVTTNKK9 có mặt, còn những người khác đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện: Dự án Khu liên hợp sân golf – thể dục thể thao – nhà ở tại phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy

ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 là đúng thẩm quyền, có nội dung phù hợp với những tài liệu, chứng cứ của vụ án, đúng căn cứ pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị L (do người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà NKTQNVTTNKK9 thực hiện) nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Trước khi xét xử phúc thẩm, bà Bùi Thị L, chết ngày 13/3/2018, có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là các con của bà L, gồm các ông, bà: NKTQNVTTNKK1, NKTQNVTTNKK2, NKTQNVTTNKK3, NKTQNVTTNKK4, NKTQNVTTNKK5, NKTQNVTTNKK6, NKTQNVTTNKK7, NKTQNVTTNKK8, NKTQNVTTNKK9, NKTQNVTTNKK10, NKTQNVTTNKK11. Tại phiên tòa phúc thẩm, trong số những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L, chỉ có bà NKTQNVTTNKK9 có mặt, còn những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người bị kiện xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại các khoản 2, 4 Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 21/12/1998, Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị L với diện tích đất trồng lúa là 11.601 m² thuộc các thửa 2059, 2060 tờ bản đồ số 4 phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Thực hiện dự án Khu liên hợp sân golf – thể dục thể thao – nhà ở tại phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (dự án), ngày 19/9/2008 UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 7331/QĐ-UBND về bồi thường thiệt hại và tái định cư cho bà L đối với toàn bộ diện tích theo giấy chứng nhận đã được cấp nêu trên; gia đình bà L đã nhận tiền bồi thường và không khiếu nại gì đối với quyết định này.

[2.3] Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý dự án của UBND phường AP ngày 17/01/2014, bà Bùi Thị L còn có diện tích đất 1.916,0 m² thuộc các thửa 14,

22, 23, 31 và rạch, tờ bản đồ số 58 (Tài liệu năm 2003) cũng nằm trong diện phải giải tỏa để thực hiện dự án. Theo đó, UBND Quận 2 đã ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 hỗ trợ bổ sung cho bà L đối với diện tích đất này với số tiền là 189.684.000 đồng. Không đồng ý, bà Bùi Thị L khiếu nại yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 1.916,0 m² theo loại đất nông nghiệp. Ngày 25/4/2017 Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L.

[2.4] Qua đó xét thấy, UBND Quận 2 đã ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 giải quyết đơn khiếu nại của bà L là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét nội dung các Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch UBND Quận 2:

[2.5a] Theo Bản đồ địa chính năm 2003 thì trong diện tích đất 1.916,0m² nêu trên gồm 02 phần có nguồn gốc như sau:

Phần diện tích 1.580,7m² thuộc một phần các thửa số 14, 22, 23, 31 có nguồn gốc do bà Bùi Thị L cải tạo rạch sử dụng vào mục đích nông nghiệp trước ngày 15/10/1993 đến khi thực hiện dự án.

Phần diện tích 335,3m² thuộc rạch có nguồn gốc do bà L cải tạo rạch sử dụng sau năm 2003.

[2.5b] Đối chiếu theo điểm 3 Văn bản số 542/HĐTĐBT-TTr ngày 25/6/2015 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh thì diện tích đất 1.916,0m² nêu trên là “*đất chiếm dụng*”.

[2.5b1] Trong khi đó, theo mục f.1 khoản 1 phần IV của Phương án số 30/PA-UB ngày 25/3/2003 về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở Dự án đầu tư xây dựng sân golf – thể dục thể thao – nhà ở tại phường AP, Quận 2 thì đối với đất nông nghiệp có nguồn gốc chiếm dụng là không được đền bù thiệt hại về đất nhưng được xét hỗ trợ như sau: *Sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá đất nông nghiệp tương ứng*. Như vậy, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về hỗ trợ phần diện tích 1.580,7 m² theo loại đất nông nghiệp chiếm dụng rạch trước ngày 15/10/1993 là đúng.

[2.5b2] Đồng thời, tại mục f.3 khoản 1 phần IV Phương án số 30/PA-UB ngày 25/03/2003 về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở Dự án đầu tư xây dựng sân golf

– thẻ dự thể thao – nhà ở tại phường AP, Quận 2 thì đối với đất nông nghiệp có nguồn gốc chiếm dụng thì không được đền bù thiệt hại về đất, *sử dụng từ ngày 12/01/2001 trở về sau không xét hỗ trợ thiệt hại*. Như vậy, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 không bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 335,3m² là đất nông nghiệp chiếm dụng rạch sử dụng sau năm 2003 là đúng.

[2.6] Do Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 được UBND Quận 2 ban hành với nội dung đúng quy định pháp luật, nên việc Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND TNMT ngày 25/4/2017 với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà Bùi Thị L đề nghị bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 1.916m² theo loại đất nông nghiệp là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm, thống nhất với ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị L (do người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà NKTQNVTTNKK9 thực hiện), giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Bà Bùi Thị L có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị L do các con của bà L là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 1447/2017/HC-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116, Điều 125, Điều 146, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 176, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về hủy Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và Quyết định số 1822/QĐ-UBND-TNMT ngày 25/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0034315 ngày 31/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Bùi Thị L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị L (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm do bà NKTQNVTTNKK9 là người đại diện theo ủy quyền của bà L đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2017/0048229 ngày 27/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà L (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 05 tháng 3 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự (13);
- Lưu: VP (3), HS (2), 23b. (ÁN 09)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh